

Số: 278 /BC-NHNN

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Về giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp, tăng khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Đồng kính gửi: Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Thông báo số 323/TB-VPCP ngày 12/8/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc hoàn thiện báo cáo về các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng, tăng khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) báo cáo một số nội dung như sau:

I. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC GIẢI PHÁP TĂNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN, HẤP THỤ VỐN TÍN DỤNG CỦA DOANH NGHIỆP, NGƯỜI DÂN

1. Điều tiết thanh khoản:

NHNN tiếp tục điều hành linh hoạt, chủ động nghiệp vụ thị trường mở nhằm ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ thực hiện mục tiêu CSTT. Theo đó, từ đầu tháng 07/2023 đến nay, NHNN tiếp tục duy trì thực hiện chào mua GTCG trên nghiệp vụ thị trường mở hàng ngày với khối lượng 3.000 tỷ đồng/phiên để phát tín hiệu sẵn sàng hỗ trợ vốn cho các TCTD, ổn định thị trường tiền tệ; Lãi suất chào mua GTCG ở mức 4,0%/năm. Hiện, thanh khoản của các TCTD được đảm bảo và có dư thừa, các giao dịch trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng hoạt động thông suốt.

2. Điều hành giảm lãi suất để hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế:

Trong các tháng đầu năm 2023, thực hiện chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân, NHNN đã liên tục điều chỉnh giảm 04 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm từ 0,5-2,0%/năm¹ trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao. Đến

¹ Cụ thể: (i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4,5%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,5%/năm xuống 3,0%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm. (ii) Lãi suất tối đa tiền gửi bằng VND tại các TCTD: đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ

nay, mặt bằng lãi suất thị trường đã có xu hướng giảm (lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới giảm khoảng hơn 1,0% so với cuối năm 2022). Với tác động của độ trễ chính sách sau những lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành của NHNN và các TCTD cam kết giảm lãi suất cho vay đối với dư cả nợ hiện hữu lẫn các khoản cho vay mới, dự kiến mặt bằng lãi suất cho vay sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới, góp phần tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp và người dân.

Bên cạnh đó, NHNN đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để phấn đấu giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân theo tinh thần chỉ đạo của Quốc hội và của Chính phủ. Cụ thể: (1) Khuyến khích TCTD tiết giảm chi phí để ổn định mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh; (2) Làm việc với các NHTM đề nghị tiếp tục giảm lãi suất tiền gửi và cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và nền kinh tế phục hồi sản xuất kinh doanh; (3) NHNN đã có văn bản chỉ đạo các TCTD tiếp tục triển khai các biện pháp để giảm lãi suất tiền gửi, qua đó tạo dư địa để giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng; tiếp tục triển khai các giải pháp để giảm mặt bằng lãi suất qua đó tích cực hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế²; (4) Ngày 14/8/2023, NHNN đã có văn bản số 6385/NHNN-CSTT yêu cầu các TCTD giảm lãi suất cho vay đối với các khoản vay đang còn dư nợ hiện hữu và các khoản vay mới (phấn đấu mức giảm lãi suất tối thiểu từ 1,5-2%/năm) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Điều hành tín dụng phù hợp, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế:

Ngay từ đầu năm, NHNN đã định hướng tăng trưởng tín dụng cả năm 2023 khoảng 14-15% (cao hơn tăng trưởng các năm trước), có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở đó, ngay đầu năm, NHNN đã phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho từng TCTD; đồng thời, chỉ đạo xuyên suốt của NHNN đối với các TCTD là hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

Ngày 10/7/2023, NHNN đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các TCTD với mức giao toàn hệ thống khoảng 14% nhằm cung ứng thêm vốn tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của nền kinh tế. Đây là nỗ lực của NHNN để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ trong bối

1,0%/năm xuống 0,5%/năm, kỳ hạn 1T-dưới 6T giảm từ 6%/năm xuống 4,75%/năm. (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND giảm từ 5,5%/năm xuống 4,0%/năm.

² Công văn số 4985/NHNN-CSTT ngày 27/6/2023 về giảm mặt bằng lãi suất

cảnh tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm ở mức thấp hơn dự kiến, các nguồn vốn trung dài hạn trong nền kinh tế đang còn nhiều khó khăn.

4. Về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật trong hoạt động cấp tín dụng:

- NHNN thường xuyên rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động cấp tín dụng nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của các TCTD, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người dân, doanh nghiệp và phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng. Theo đó, tại dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi) đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp tín dụng (Điều 93, Điều 96, Điều 97) theo hướng: (i) Bỏ quy định về áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi cấp tín dụng, theo đó, TCTD và khách hàng thỏa thuận về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho TCTD chủ động trong hoạt động cấp tín dụng và thỏa thuận với khách hàng trong quá trình quản lý khoản vay và trả nợ của khách hàng; (ii) Đơn giản hóa thủ tục cho các khoản cho vay tiêu dùng, các khoản cho vay nhỏ lẻ phục vụ đời sống; theo đó đối với khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống có giá trị nhỏ, cho vay tiêu dùng, cấp tín dụng qua thẻ, khách hàng chỉ cung cấp tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp và khả năng tài chính cho TCTD; (iii) Sửa đổi, bổ sung quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, thực hiện các hoạt động kinh doanh ngân hàng bao gồm hoạt động cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng.

- NHNN đã ban hành các Thông tư: 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 về bảo lãnh ngân hàng (có hiệu lực từ ngày 01/4/2023), trong đó bổ sung quy định về bảo lãnh điện tử để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong tiếp cận dịch vụ bảo lãnh ngân hàng; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng; trong đó có bổ sung nhiều quy định tạo điều kiện thuận lợi để tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của người dân và doanh nghiệp như bổ sung quy định cho vay bằng phương tiện điện tử, khách hàng vay không phải đến ngân hàng, quy trình thủ tục vay nhanh hơn, thuận tiện hơn; cho khách hàng vay phục vụ nhu cầu đời sống để trả nợ trước hạn khoản vay tại TCTD khác; vay để trả khoản vay nước ngoài dưới hình thức mua bán hàng hóa trả chậm,...

- Trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, để ưu tiên hơn nữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, NHNN đã ban hành Thông tư số 10/2023/TT-NHNN ngưng hiệu lực thi hành khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 8 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (đã được bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-NHNN) từ ngày 01/9/2023 cho đến ngày có hiệu lực thi hành của văn bản quy phạm pháp luật mới quy định về các vấn đề này.

- Về rà soát quy trình, thủ tục cho vay và các loại phí, lệ phí TCTD đang áp dụng: (i) NHNN đã làm việc với các TCTD về rà soát thủ tục, quy trình cho vay

đề chỉ đạo các TCTD tiếp tục đơn giản hóa các quy trình, thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng; (ii) Đồng thời, NHNN cũng đã rà soát các loại phí, lệ phí TCTD đang áp dụng (bao gồm cả các loại phí liên quan đến hoạt động cho vay và các loại phí khác mà khách hàng vay vốn có thể phải trả) và có văn bản chỉ đạo các TCTD cắt giảm các loại phí, lệ phí không cần thiết để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

5. Các giải pháp cụ thể nhằm tháo gỡ khó khăn, tăng khả năng tiếp cận tín dụng

5.1. Tháo gỡ khó khăn cho lĩnh vực bất động sản (BDS):

- NHNN đã có văn bản 2931/NHNN-TD ngày 24/04/2023 yêu cầu TCTD: (i) Tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư dự án BĐS, người mua nhà tiếp cận tín dụng khi đáp ứng đầy đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định; tập trung nguồn vốn tín dụng đối với dự án BĐS đủ điều kiện pháp lý, có khả năng tiêu thụ sản phẩm, có khả năng trả nợ vay đầy đủ và đúng hạn, đáp ứng nhu cầu thực của người dân, nhất là các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở phù hợp với thu nhập của người dân và các loại hình BĐS phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, an sinh xã hội có hiệu quả cao, có khả năng trả nợ và phát triển. (ii) Xem xét cấp tín dụng đối với cả chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng, người mua nhà và các đơn vị sản xuất cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng để tăng khả năng luân chuyển vốn và thanh khoản cho thị trường BĐS; chủ động kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, mục đích sử dụng vốn vay, thu nợ đầy đủ, đúng hạn. Đẩy mạnh cho vay người mua nhà, thu nợ người bán nhà trong cùng một dự án.

- Về chương trình cho vay 120.000 tỷ đồng, NHNN đã khẩn trương có văn bản số 2308/NHNN-TD ngày 01/4/2023 hướng dẫn các nội dung chính về lãi suất, thời gian ưu đãi để đảm bảo triển khai thống nhất cho các NHTM và các khách hàng thuộc đối tượng vay vốn; chương trình đã triển khai từ 01/4/2023. Bộ Xây dựng đã có Công văn số 1551/BXD-QLN ngày 20/04/2023 hướng dẫn xác định danh mục dự án, đối tượng, điều kiện, tiêu chí vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ. Ngày 16/6/2023, BIDV đã ký hợp đồng tín dụng tài trợ 01 dự án nhà ở xã hội tại tỉnh Phú Thọ tham gia chương trình với số tiền cấp tín dụng khoảng 95 tỷ đồng, đến nay đã giải ngân 20,5 tỷ đồng. Agribank cũng đã cấp tín dụng đối với 01 dự án với số tiền cam kết cấp tín dụng là 950 tỷ đồng, dự kiến giải ngân trong Quý III. Bên cạnh đó, các NHTM đang tiếp cận khoảng 16 dự án (Agribank 11 dự án, BIDV 5 dự án).

5.2. Ban hành chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ: Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023, Nghị quyết 59/NQ-CP ngày 23/4/2023 của Chính phủ, NHNN đã ban hành Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định về việc TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Đồng thời, Thống đốc NHNN đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 23/5/2023 về công tác tín

dụng và triển khai Thông tư 02/2023/TT-NHNN. Việc cho phép TCTD cơ cấu lại nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng gặp khó khăn không có khả năng trả nợ đúng hạn sẽ tạo điều kiện cho khách hàng được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, kéo dài thời gian trả nợ mà không bị chuyển nhóm nợ xấu. Qua đó, khách hàng có điều kiện được tiếp cận các khoản vay mới phục vụ sản xuất kinh doanh, tiêu dùng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Đồng thời, khách hàng có nguồn tài chính để tìm kiếm việc làm, nguồn thu nhập mới để trả nợ vay tại các TCTD. Đến cuối tháng 7/2023, lũy kế tổng giá trị nợ (gốc và lãi) được cơ cấu thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ khoảng 96.000 tỷ đồng, với gần 97.000 lượt khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

5.3. Đẩy mạnh triển khai chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp trên toàn quốc: Để tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng của người dân, doanh nghiệp, NHNN và các TCTD đã phối hợp các Bộ, ngành, địa phương, các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp đẩy mạnh triển khai Chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước, các Hội nghị tín dụng lĩnh vực BĐS, Hội nghị tín dụng vùng Đông Nam Bộ nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Đến cuối quý II/2023, đã có khoảng 320 buổi gặp gỡ, đối thoại giữa ngân hàng và doanh nghiệp được tổ chức trên toàn quốc; thông qua Chương trình, các TCTD đã thực hiện kết nối, hỗ trợ cho trên 145.000 doanh nghiệp với dư nợ được hỗ trợ là 1,4 triệu tỷ đồng thông qua các biện pháp như cho vay mới, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hỗ trợ khác (điều chỉnh giảm lãi suất, giảm phí,...).

5.4. Kịp thời tổ chức các Hội nghị chuyên đề tín dụng, các buổi làm việc với các cơ quan liên quan nhằm nhận diện các khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp tăng khả năng tiếp cận, hấp thụ vốn tín dụng: Trong năm 2023, NHNN đã tổ chức 02 Hội nghị chuyên đề bàn về các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng đối với DNNVV và hợp tác xã. Tại hội nghị, các khó khăn vướng mắc trong tiếp cận tín dụng đã được nhận diện, trao đổi và đề xuất các giải pháp để tháo gỡ, trên cơ sở đó, NHNN tiếp tục có chỉ đạo toàn hệ thống TCTD thực hiện các giải pháp, tạo điều kiện thuận lợi và tăng khả năng tiếp cận tín dụng đối với DNNVV, hợp tác xã phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, trong tháng 7 và tháng 8/2023 NHNN đã tổ chức 02 Hội thảo về tăng khả năng hấp thụ vốn tín dụng (ngày 25/7/2023 và ngày 22/8/2023 với sự tham dự của hơn 400 đại biểu từ các bộ ngành, các doanh nghiệp, hiệp hội, chuyên gia kinh tế...) để nhận diện khó khăn và đề xuất giải pháp tăng khả năng hấp thụ, tiếp cận tín dụng của người dân, doanh nghiệp.

5.5. Triển khai một số giải pháp tín dụng hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho một số mặt hàng nông sản chủ lực (lúa gạo ĐBSCL, thủy sản, cà phê):

- Căn cứ vào diễn biến, tình hình thực tế thị trường, từ cuối năm 2022 sang đầu năm 2023, NHNN đã có nhiều văn bản chỉ đạo các TCTD tập trung nguồn vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của thương nhân, doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực lúa gạo, cà phê, thủy sản như vụ thu hoạch Đông – Xuân năm 2023, thu mua xuất khẩu cà phê niên vụ 2022-2023,...

NHNN cũng đã kịp thời phối hợp với UBND các tỉnh ĐBSCL, các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp tổ chức Hội nghị “Giải pháp tín dụng thúc đẩy thu mua, tiêu thụ, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực vùng ĐBSCL”; Buổi làm việc bàn về các giải pháp tín dụng tháo gỡ khó khăn đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản.

- Triển khai chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản³: NHNN đã có: (1) Văn bản số 4458/NHNN-TD ngày 09/6/2023 chỉ đạo các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ưu tiên vốn và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất, chế biến lâm sản, thủy sản tiếp cận vốn tín dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh (như: duy trì hạn mức tín dụng đã cấp, giảm lãi suất cho vay, miễn giảm các loại phí dịch vụ, linh hoạt trong việc áp dụng cơ chế bảo đảm tiền vay, đa dạng hóa các chương trình, sản phẩm tín dụng phù hợp); (2) Ban hành Văn bản số 5631/NHNN-TD ngày 14/7/2023, hướng dẫn NHTM triển khai Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản với: (i) quy mô khoảng 15.000 tỷ đồng⁴; (ii) lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam thấp hơn tối thiểu từ 1%-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn (ngắn hạn; trung, dài hạn) của chính ngân hàng cho vay; (ii) thời gian triển khai đến hết 30/6/2024. Ngoài ra, các ngân hàng thực hiện miễn, giảm các loại phí dịch vụ đối với khách hàng, phù hợp với quy định pháp luật và quy mô hoạt động của ngân hàng. Đến nay đã có 13 ngân hàng thương mại đã đăng ký tham gia Chương trình⁵. Như vậy, cùng với các giải pháp về tiền tệ, tín dụng, lãi suất đã và đang triển khai thời gian qua, việc triển khai Chương trình cho vay đối với lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản tiếp tục thể hiện tinh thần đồng hành của ngành ngân hàng trong việc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và thúc đẩy các động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Đến nay, các NHTM đã thực hiện cho vay theo Chương trình với doanh số giải ngân đạt gần 800 tỷ đồng cho gần 120 lượt khách hàng vay vốn.

5.6. Về triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP

³ Theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 01/5/2013, Thông báo số 225/TB-NHNN ngày 15/6/2023 và Văn bản số 4960/VPCP-KTTH ngày 05/7/2023, về việc giao NHNN “Nghiên cứu, đề xuất gói tín dụng 10.000 tỷ đồng để hỗ trợ cho doanh nghiệp ngành sản xuất, chế biến lâm sản và thủy sản”.

⁴ Có 13 NHTM tham gia cho vay gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Bản Việt.

⁵ gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Bản Việt

Công tác triển khai đã được NHNN, các NHTM và các bộ ngành thực hiện khẩn trương, quyết liệt (ban hành nhiều văn bản giải đáp, hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức nhiều Hội nghị, cuộc họp quán triệt, phổ biến triển khai, thành lập đường dây nóng, khảo sát thực tế địa phương...). Tuy nhiên, kết quả chưa như kỳ vọng (Đến cuối tháng 6/2023, doanh số HTLS đạt gần 140.000 tỷ đồng, dư nợ HTLS đạt hơn 56.000 tỷ đồng cho gần 2.100 khách hàng, số tiền HTLS lũy kế đạt khoảng 590 tỷ đồng), nguyên nhân chủ yếu là do tâm lý e ngại công tác thanh, kiểm tra, cân nhắc giữa lợi ích từ HTLS và chi phí bỏ ra khi nhận HTLS như theo dõi hồ sơ, chứng từ, tuân thủ các thủ tục hậu kiểm; khó đánh giá về khả năng “phục hồi” trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều yếu tố rủi ro, bất định; tình hình kinh tế - xã hội đã thay đổi so với thời điểm ban hành chính sách nên nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp thay đổi... Các nguyên nhân này đã được NHNN và các bộ ngành nhận diện qua quá trình khảo sát tại địa phương và NHNN đã kịp thời tổng hợp, có nhiều Tờ trình báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ⁶. Thời gian tới, NHNN và các NHTM sẽ tiếp tục triển khai chính sách HTLS với quyết tâm cao nhất theo đúng chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5.7. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, NHNN đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, kế hoạch nhằm tạo thuận lợi cho chuyển đổi số ngành ngân hàng⁷ nhằm giúp các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí, số hóa nhiều nghiệp vụ để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp và người dân. Theo đó, hệ sinh thái số, thanh toán số trong thời gian qua đã được thiết lập và kết nối giữa dịch vụ ngân hàng với nhiều dịch vụ khác trong nền kinh tế để cung ứng trải nghiệm liền mạch cho khách hàng. Nhiều ngân hàng Việt Nam có tỷ lệ trên 90% giao dịch thực hiện trên kênh số, trong đó nhiều nghiệp vụ đã được số hóa hoàn toàn 100% (như gửi tiết kiệm; tiền gửi có kỳ hạn; mở và sử dụng tài khoản thanh toán; thẻ ngân hàng; ví điện tử; chuyển tiền; quản lý nhân sự; kế toán - tài chính...).

5.8. Bên cạnh đó, NHNN cũng đã chủ động triển khai nhiều giải pháp: *(i)* Thường xuyên chỉ đạo TCTD đa dạng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đơn giản hóa thủ tục cho vay, niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục, quy trình vay vốn, nâng cao hiệu quả thẩm định và đánh giá mức độ tín nhiệm khách hàng nhằm tăng cường khả năng cho vay không có bảo đảm bằng tài sản; *(ii)* Đẩy mạnh triển khai chương trình tín dụng tiêu dùng 5.000 tỷ đồng của Agribank cho

⁶ Tờ trình số 119/TTr-NHNN ngày 11/11/2022; Tờ trình 151/TTr-NHNN ngày 20/12/2022; Tờ trình số 29/TTr-NHNN ngày 20/03/2023; Tờ trình 61/TTr-NHNN ngày 28/4/2023; Tờ trình 77/TTr-NHNN ngày 28/5/2023; Tờ trình số 85/TTr-NHNN ngày 09/06/2023 và Tờ trình số 87/TTr-NHNN ngày 13/06/2023; Tờ trình số 89/TTr-NHNN ngày 20/6/2023.

⁷ Thông tư 16/2020/TT-NHNN quy định mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử (eKYC), Thông tư số 17/2021/TT-NHNN quy định mở thẻ eKYC, Thông tư 11/2022/TT-NHNN về bảo lãnh ngân hàng, Thông tư số 06/2023/TT-NHNN quy định cho vay eKYC, Quyết định 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021 ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 21/01/2022 về đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng,...

khách hàng, giải ngân ngay trong ngày với số tiền cho vay tối đa 30 triệu đồng, không cần tài sản thế chấp⁸; Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam triển khai gói tài chính tiêu dùng lên tới 20.000 tỷ đồng của Công ty Tài chính TNHH HD Saison và Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC cho công nhân vay với lãi suất thấp hơn lãi suất cho vay của hai công ty⁹,... **(iii)** Tích cực hợp tác với các tổ chức quốc tế (ADB, JICA, WB...) triển khai các chương trình cho vay với lãi suất thấp cho DNNVV; **(iv)** Tăng cường hoạt động truyền thông, phổ biến về cơ chế, chính sách, chương trình tín dụng bằng nhiều hình thức để người dân, doanh nghiệp hiểu và tiếp cận các chính sách, sản phẩm, dịch vụ tín dụng ngân hàng.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

1. Kết quả tín dụng chung, tín dụng ngành kinh tế¹⁰

1.1. Tín dụng chung:

- Đến ngày 31/7/2023, tín dụng nền kinh tế đạt khoảng 12,47 triệu tỷ đồng, tăng 4,56% so với cuối năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 tăng 9,57%¹¹).

- Trong 3 năm gần đây, tín dụng toàn hệ thống tăng thêm bình quân khoảng 1 triệu tỷ đồng/năm (năm 2019 hơn 984 nghìn tỷ, năm 2020 hơn 997 nghìn tỷ, năm 2021 hơn 1,25 triệu tỷ, năm 2022 gần 1,5 triệu tỷ đồng - đây là số tín dụng tăng thêm ròng). Thực tế doanh số cấp tín dụng của hệ thống ngân hàng cung ứng vốn ra nền kinh tế trong năm lớn hơn rất nhiều lần, cụ thể: Năm 2019 doanh số cấp tín dụng toàn hệ thống khoảng 13,2 triệu tỷ đồng; năm 2020 là 14,3 triệu tỷ đồng; năm 2021 là 17,4 triệu tỷ đồng; năm 2022 là 19,7 triệu tỷ đồng; 06 tháng đầu năm 2023 gần 10,2 triệu tỷ đồng.

Điều này thể hiện hệ thống ngân hàng đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ trung gian cung ứng vốn cho phục hồi và phát triển kinh tế phần lớn nhờ vào việc TCTD thực hiện thu nợ cũ để cho vay mới (Số liệu thu nợ năm 2019 là 12,2 triệu tỷ đồng; năm 2020 là 13,7 triệu tỷ đồng; năm 2021 là 16,2 triệu tỷ đồng; năm 2022 là 18,2 triệu tỷ đồng; 06 tháng đầu năm 2023 gần 9,6 triệu tỷ đồng).

1.2. Tín dụng theo loại hình TCTD: **(i)** Dư nợ tín dụng của NHTM nhà nước¹² là 5.937 nghìn tỷ đồng, tăng 4,46% so với cuối năm 2022, chiếm 47,54% tổng dư nợ nền kinh tế; **(ii)** Tín dụng của nhóm NHTMCP là 5.525 nghìn tỷ đồng, tăng 5,9%, chiếm 44,24%; **(iii)** Tín dụng của nhóm TCTD nước ngoài¹³ là 614 nghìn tỷ đồng, tăng 1,56%, chiếm 4,92%; **(iv)** Tín dụng của nhóm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính là 254 nghìn tỷ đồng, giảm 2,53%, chiếm

⁸ Agribank đã cho khoảng 850 nghìn lượt khách hàng vay vốn, doanh số cho vay đạt khoảng 77 nghìn tỷ đồng, dư nợ đạt gần 1.700 tỷ đồng với gần 85 nghìn khách hàng còn dư nợ.

⁹ Đến nay, HDSaison và FECredit đã giải ngân được trên 6.900 tỷ đồng.

¹⁰ Tín dụng các ngành, lĩnh vực đến cuối tháng 6/2023.

¹¹ Tín dụng cùng kỳ các năm trước đó: Năm 2021 tăng 15,65%; năm 2020 tăng 10,02%; năm 2019 tăng 13,27%.

¹² NHTM nhà nước, NHTM MTV do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

¹³ NH 100% vốn nước ngoài, NH liên doanh, NH nước ngoài

2,04%; (v) Tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân là 158 nghìn tỷ đồng, giảm 0,78%, chiếm 1,26% dư nợ nền kinh tế.

1.3. Tín dụng theo ngành kinh tế: Dư nợ ngành nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 912 nghìn tỷ đồng (tăng 2,47%, chiếm 7,3%), ngành công nghiệp và xây dựng đạt trên 3,2 triệu tỷ đồng (tăng 4,76%, chiếm 26%), ngành dịch vụ đạt trên 8,3 triệu tỷ đồng (tăng 4,96%, chiếm 66,7%).

1.4. Kết quả cấp tín dụng theo loại hình kinh tế: (i) Dư nợ tín dụng doanh nghiệp nhà nước¹⁴ đạt 406.344 tỷ đồng, giảm 3,71% so với cuối năm 2022, chiếm tỷ trọng 3,25% tổng dư nợ nền kinh tế; (ii) Dư nợ tín dụng doanh nghiệp tư nhân¹⁵ đạt 5.494.910 tỷ đồng, tăng 7,27%, chiếm tỷ trọng 44%; (iii) Dư nợ tín dụng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 455.661 tỷ đồng, tăng 7,74%, chiếm tỷ trọng 3,65%; (iv) Dư nợ tín dụng đối với Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã đạt 6.232 tỷ đồng, giảm 1,33%, chiếm tỷ trọng 0,05%; (v) Dư nợ tín dụng đối với Hộ kinh doanh, cá nhân đạt 5.971.998 tỷ đồng, tăng 2,19%, chiếm tỷ trọng 47,82%; (vi) Dư nợ khác¹⁶ đạt 152.767 tỷ đồng, tăng 43,62% và chiếm tỷ trọng 1,22% tổng dư nợ nền kinh tế.

1.5. Tín dụng lĩnh vực ưu tiên: (i) Tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đạt trên 3 triệu tỷ đồng¹⁷, chiếm 24,45% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, tăng 3,42% so với cuối năm 2022; (ii) Tín dụng đối với DNNVV đạt trên 2,2 triệu tỷ đồng, chiếm 18,24%, tăng 4,21% so với cuối năm 2022; (iii) Tín dụng đối với lĩnh vực xuất khẩu đạt khoảng 332 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,66%; (iv) Tín dụng đối với lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đạt trên 336 nghìn tỷ đồng, chiếm 2,69%, tăng 13,58% so với cuối năm 2022; (v) Tín dụng đối với lĩnh vực doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao là khoảng 42,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,34%, tăng 10,69% so với cuối năm 2022.

1.6. Tín dụng lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro: (i) Tín dụng đối với các dự án BOT, BT giao thông là gần 92 nghìn tỷ đồng, giảm 0,22% so với cuối năm 2022, chiếm 0,75% tổng dư nợ cấp tín dụng đối với nền kinh tế. (ii) Tín dụng đối với lĩnh vực chứng khoán là trên 67 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,54% tổng dư nợ nền kinh tế, tăng 58,72% so với cuối năm 2022. (iii) Tín dụng lĩnh vực bất động sản đạt khoảng 2,7 triệu tỷ đồng, tăng 4,68% so với cuối năm 2022, chiếm 21,63% tổng dư nợ nền kinh tế, tỷ lệ nợ xấu là 2,47%.

1.7. Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, cho vay tiêu dùng đạt gần 2,7 triệu tỷ đồng, tăng 3,8% so với cuối năm 2022, chiếm 21,46% dư nợ nền kinh tế.

¹⁴Doanh nghiệp nhà nước: Công ty nhà nước, Công ty TNHH MTV do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc nhà nước giữ quyền chi phối, Công ty cổ phần có vốn cổ phần của nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty.

¹⁵Doanh nghiệp tư nhân Công ty TNHH khác, Công ty cổ phần khác, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân.

¹⁶Khác: Đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội, Khác...

¹⁷ Trong đó dư nợ một số mặt hàng nông sản chủ lực như: lúa gạo tăng 17%, thủy sản tăng 19,05%.

1.8. Tín dụng chính sách tại NHCSXH: Tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách tại NHCSXH đạt 304.430 tỷ đồng, tăng 7,44% so với tháng 12/2022 với hơn 6,5 triệu khách hàng còn dư nợ. Dư nợ tập trung ở một số chương trình: cho vay hộ nghèo đạt 33.121 tỷ đồng; cho vay hộ cận nghèo đạt 41.352 tỷ đồng; cho vay hộ mới thoát nghèo đạt 44.541 tỷ đồng; cho vay học sinh, sinh viên đạt 12.529 tỷ đồng; cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn đạt 24.264 tỷ đồng; cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn đạt 52.994 tỷ đồng; cho vay giải quyết việc làm đạt 70.829 tỷ đồng.

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Khó khăn, vướng mắc chung:

- Thời gian qua, trước bối cảnh các kênh huy động vốn khác chưa thực sự phát huy hiệu quả, nhất là thị trường vốn (thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường chứng khoán) đang tồn tại một số vấn đề và chưa phát triển tương xứng với vai trò cung ứng vốn trung, dài hạn cho nền kinh tế đã khiến nhu cầu vốn cho phục hồi kinh tế tập trung phần lớn qua kênh tín dụng ngân hàng, tỷ lệ tín dụng/GDP của Việt Nam có xu hướng tăng nhanh, đặc biệt từ năm 2020, tuy có dấu hiệu tăng chậm lại trong năm 2022 nhưng vẫn trong xu hướng tăng, tiềm ẩn rủi ro đối với hệ thống các TCTD.

- Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống TCTD dư thừa và còn rất nhiều dư địa để tăng trưởng tín dụng (toàn hệ thống còn khoảng 9,5% để tăng trưởng tín dụng, tương đương hơn 1,1 triệu tỷ đồng), cơ chế chính sách tín dụng từ đầu năm đến nay không có sự thay đổi (Thông tư số 06/2023/TT-NHNN được ban hành ngày 28/6/2023 và đến ngày 01/9/2023 mới có hiệu lực thi hành; NHNN cũng đã ban hành Thông tư 10/2023/TT-NHNN ngưng hiệu lực một số điều khoản tại Thông tư 06/2023/TT-NHNN), lãi suất cho vay có xu hướng giảm¹⁸, từ đó TCTD có điều kiện thuận lợi để cung ứng vốn tín dụng đối với nền kinh tế. Do đó, tăng trưởng tín dụng thời gian qua chưa cao không phải xuất phát từ nguyên nhân thanh khoản hệ thống ngân hàng, chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được NHNN thông báo, cơ chế chính sách cho vay, lãi suất cho vay. Mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống vẫn thấp so với cùng kỳ các năm trước, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các yếu tố khách quan như:

Thứ nhất, do tác động của cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh, tiêu dùng:

+ Cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh giảm, dẫn tới cầu tín dụng cho sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp giảm tương ứng: Nền kinh tế nước ta có độ mở lớn, hoạt động của các doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào kinh tế quốc tế, trong khi bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp; tăng trưởng toàn cầu thấp, một số quốc gia, đối tác lớn tiếp tục duy trì chính sách tiền

¹⁸ Trên cơ sở chỉ đạo, điều hành của NHNN, đến nay, lãi suất cho vay đã có xu hướng giảm (lãi suất cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND của các NHTM giảm khoảng hơn 1,0%/năm so với cuối năm 2022). Với tác động của độ trễ chính sách sau những lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành và thực hiện đồng bộ các biện pháp của NHNN, thì dự kiến mặt bằng lãi suất cho vay sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới.

tệ thất chặt, tăng lãi suất, gia tăng hàng rào bảo hộ; các thị trường, đơn hàng, đơn giá xuất khẩu trong những tháng đầu năm 2023 sụt giảm; các doanh nghiệp chưa kịp phục hồi hoàn toàn sau đại dịch Covid-19, cùng với ảnh hưởng tiêu cực của suy giảm kinh tế trên phạm vi toàn cầu nên nhu cầu vay vốn và khả năng hấp thụ vốn giảm sút. Mặc dù các chỉ số kinh tế trong nước đang có xu hướng diễn biến tích cực (như: xuất khẩu tháng 7 tăng 2,1% so với tháng 6, chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tăng 3,9%...) song do ảnh hưởng dồn tích từ thị trường trong những tháng đầu năm nên tín dụng đến cuối tháng 7 vẫn thấp hơn so với cùng kỳ các năm trước.

+ Về cầu tiêu dùng: Trong những tháng đầu năm 2023, cầu tiêu dùng trong nước có xu hướng thắt chặt, đặc biệt là các khoản chi tiêu không thiết yếu; bên cạnh đó, ảnh hưởng từ thị trường BĐS, TPDN, sự sụt giảm các đơn hàng của các doanh nghiệp ở một số ngành thâm dụng lao động như dệt may, da giày, điện tử... khiến cho số lượng lao động nghỉ, giãn/mất việc tăng lên, dẫn tới sụt giảm cầu tiêu dùng cũng như cầu tín dụng tiêu dùng, phục vụ đời sống. Mặc dù nhu cầu tiêu dùng đang tăng trở lại, song vẫn thấp hơn rất nhiều so với mức tăng của cùng kỳ năm trước (tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng tăng +10,4% so với cùng kỳ, trong khi 7 năm tháng 2022 tăng 42,6%); dẫn tới cầu tín dụng phục vụ tiêu dùng thấp hơn cùng kỳ năm trước¹⁹.

- Thứ hai, một số nhóm khách hàng có nhu cầu nhưng chưa đáp ứng điều kiện vay vốn, nhất là nhóm DNNVV: Việc tiếp cận tín dụng của nhóm này còn hạn chế²⁰ do: (i) Quy mô vốn nhỏ, vốn chủ sở hữu và năng lực tài chính, quản trị điều hành hạn chế; (ii) Thiếu phương án kinh doanh khả thi, chưa có kế hoạch ứng phó với biến động thị trường, khả năng liên kết với chuỗi sản xuất còn hạn chế; (iii) Thông tin về tình hình tài chính của DNNVV còn thiếu minh bạch làm ảnh hưởng đến khả năng thẩm định của TCTD để đánh giá thực chất tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp²¹; (iv) Việc triển khai các giải pháp tăng khả năng tiếp cận tín dụng thông qua các cơ chế hỗ trợ của nhà nước (Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, Quỹ Phát triển DNNVV...) còn chưa phát huy hiệu quả.

Thứ ba, tác động từ khả năng hấp thụ tín dụng của nhóm BĐS: Tín dụng BĐS chiếm tỷ trọng khoảng 20% so với tín dụng chung nên khi tín dụng BĐS tăng cao sẽ kéo theo tín dụng toàn hệ thống tăng. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2023, tín dụng BĐS tăng 4,68% (thấp hơn 0,05% so với tăng trưởng tín dụng chung là 4,73%). Trong đó dư nợ kinh doanh BĐS trong 6 tháng đầu năm 2023 đã tăng trưởng (17,41%) vượt tốc độ tăng trưởng của cả năm 2022 (10,73%) đây là mức tăng trưởng rất cao (gấp gần 04 lần tăng trưởng tín dụng chung) nhưng dư nợ tiêu dùng, tự sử dụng BĐS chiếm đến 65% dư nợ tín dụng BĐS lại giảm 1,12% (năm đầu tiên xuất hiện xu hướng giảm trong 03 năm gần

¹⁹ Tín dụng tiêu dùng tháng 6/2023 là 3,8%, trong khi cùng kỳ năm trước (T6 và 7/2022) tăng ở mức trên 14%

²⁰ Đã được nhận diện và có nhiều chính sách hỗ trợ tại Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.

²¹ NHNo&PTNT – chủ yếu cho vay khu vực NoNT và các khách hàng là hộ sản xuất, kinh doanh... hiện có mức tăng trưởng tín dụng khá thấp.

đây, cuối năm 2022 tăng 31,01%). Điều này cho thấy nguồn vốn tín dụng đang tập trung vào phía cung của thị trường, trong khi đó cầu tín dụng để mua BĐS với mục đích tiêu dùng, tự sử dụng của thị trường đang sụt giảm. Diễn biến trên cho thấy những giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các thị trường vừa qua cũng đã bắt đầu phát huy tác dụng, các khó khăn về mặt pháp lý của các dự án BĐS đã dần được tháo gỡ, góp phần tăng khả năng tiếp cận tín dụng của chủ đầu tư dự án. Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn chung, nhu cầu về mua nhà ở chưa phải là nhu cầu được khách hàng ưu tiên trong thời điểm hiện tại; cơ cấu sản phẩm không hợp lý, dư thừa sản phẩm, phân khúc cao cấp, thiếu nhà ở giá rẻ, phù hợp với nhu cầu của người dân; các dự án BĐS gặp khó khăn về mặt pháp lý nên không đáp ứng được điều kiện tín dụng dẫn tới khó tiếp cận nguồn vốn. Bên cạnh đó cũng cần lưu ý về tỷ lệ nợ xấu của lĩnh vực BĐS đang có chiều hướng gia tăng so với thời điểm cuối năm trước (tháng 6/2022 là 1,53%, tháng 6/2023 là 2,47%).

- *Thứ tư*, sau thời gian kinh tế gặp khó khăn, mức độ rủi ro bị đánh giá cao hơn, khi hoạt động của doanh nghiệp khó chứng minh hiệu quả (chi phí đầu vào, nguyên vật liệu nhập khẩu cao, thị trường đầu ra, đơn hàng, doanh thu giảm...); TCTD rất khó khăn trong quyết định cho vay do không hạ được chuẩn tín dụng để đảm bảo an toàn hệ thống.

2.2. Khó khăn, vướng mắc đối với một số chương trình tín dụng

- Đối với Chương trình 120.000 tỷ đồng, bước đầu triển khai cho thấy một số khó khăn, vướng mắc như: (1) Đến nay, một số địa phương đã có văn bản gửi NHNN và Bộ Xây dựng hoặc thông báo trên cổng thông tin điện tử về danh mục nhà ở xã hội đủ điều kiện tham gia chương trình. Tuy nhiên, qua rà soát thì trong danh mục có một số dự án chưa đủ điều kiện, một số địa phương giao cho Sở Xây dựng ban hành danh mục chưa đúng thẩm quyền; bên cạnh đó, nhiều địa phương còn đang trong quá trình tổng hợp danh mục dự án và nhu cầu của chủ đầu tư dự án, chưa công bố danh mục này. Do đó, các NHTM chưa có cơ sở để tiếp cận, thẩm định dự án; (2) Khách hàng mua nhà ở tại các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, mua nhà tại dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ bị ảnh hưởng do tình hình kinh tế, sản xuất kinh doanh khó khăn dẫn đến nguồn thu nhập của khách hàng sụt giảm. Do đó, nhu cầu về mua nhà ở chưa phải là nhu cầu được khách hàng ưu tiên trong thời điểm hiện tại; (3) Ngoài ra, chỉ một số ít chủ đầu tư có nhu cầu vay vốn, các dự án còn lại đã hoàn thành xây dựng, hoặc được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, hoặc không có nhu cầu vay vốn. Đối với đối tượng người mua nhà ở xã hội hiện vẫn có thể vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội với mức lãi suất ưu đãi (hiện nay là 4,8%/năm) theo quy định tại Nghị định 100/2015/NĐ-CP.

- Đối với chính sách HTLS theo Nghị định 31, kết quả HTLS còn thấp, chưa như kỳ vọng là chủ yếu do: khách hàng không đáp ứng đối tượng được HTLS (ví dụ như khách hàng hộ kinh doanh không có đăng ký kinh doanh,...); khách hàng đáp ứng điều kiện HTLS nhưng lại có tâm lý e ngại công tác hậu kiểm; khó đánh giá về khả năng “phục hồi” trong bối cảnh kinh tế thế giới và

trong nước còn nhiều yếu tố rủi ro, bất định; một số khách hàng lựa chọn vay USD để tận dụng lợi thế về lãi suất và nguồn thu bằng ngoại tệ nên không thuộc đối tượng được HTLS; bối cảnh kinh tế - xã hội đã thay đổi so với khi ban hành chính sách nên nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp thay đổi...

- Hiện nay, NHNN đang theo dõi, triển khai một số chương trình tín dụng ưu đãi theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nguồn hỗ trợ đối với các chương trình này là từ ngân sách nhà nước, tuy nhiên nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là hạn chế và trong giai đoạn 2021-2025, ngân sách nhà nước không bố trí kế hoạch vốn đầu tư công để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng (ngoại trừ chương trình hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP).

III. GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TIẾP CẬN VỐN TÍN DỤNG CỦA DOANH NGHIỆP, TĂNG KHẢ NĂNG HẤP THỤ VỐN CỦA NỀN KINH TẾ

1. Đối với NHNN và ngành ngân hàng

1.1. Đối với NHNN

- Bám sát diễn biến trong nước và quốc tế để điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; điều hành tăng trưởng tín dụng hợp lý nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, hướng nguồn vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ;

- Tiếp tục theo dõi sát diễn biến tiền tệ trong nước, quốc tế, dự báo lạm phát và lãi suất thị trường để điều hành lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát và mục tiêu chính sách tiền tệ; duy trì thanh khoản dồi dào nhằm ổn định thị trường tiền tệ, ổn định mặt bằng lãi suất tiền gửi nhất là thời điểm cuối năm; tiếp tục chỉ đạo các TCTD tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh;

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh triển khai: (i) các nhiệm vụ của ngành ngân hàng tại Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, trọng tâm là Chương trình HTLS 2% qua hệ thống NHTM; (ii) các Chương trình mục tiêu quốc gia; (iii) các chương trình, chính sách tín dụng đặc thù đối với một số ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; cho vay đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản...);

- Tiếp tục triển khai công tác thanh tra năm 2023 theo kế hoạch đã được ban hành, trong đó tiến hành thanh tra hoạt động cấp tín dụng đối với nhóm khách hàng (tập trung tín dụng có liên quan đến lĩnh vực bất động sản; liên quan đến cổ đông lớn, người có liên quan của cổ đông lớn của TCTD, cho vay chéo ...).

- Tăng cường công tác giám sát hoạt động cấp tín dụng của các TCTD, yêu cầu TCTD chú trọng: Nâng cao chất lượng tín dụng; Kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; Kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng đảm bảo an toàn, hiệu quả, phù hợp chỉ tiêu được NHNN thông báo, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ và NHNN, cho vay phục vụ đời sống, tín dụng tiêu dùng phục vụ nhu cầu chính đáng của người dân, doanh nghiệp với mức lãi suất hợp lý...

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình Kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp; thành lập Tổ Công tác làm việc với các địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội để tổng hợp, xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận tín dụng (*dự kiến vào đầu tháng 9/2023*).

1.2. Đối với các TCTD

- Tiếp tục tiết giảm chi phí, tăng cường chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và các giải pháp khác để có điều kiện tiếp tục giảm lãi suất cho vay (phần đầu giảm 1,5-2%) đối với cả khoản vay mới và dư nợ hiện hữu;

- Chủ động xây dựng các chương trình, sản phẩm tín dụng với lãi suất hợp lý, đáp ứng linh hoạt nhu cầu của nhiều đối tượng, phân khúc khách hàng;

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm phí, lệ phí không cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, người dân trong tiếp cận dịch vụ ngân hàng;

- Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục nội bộ để tạo thuận lợi cho khách hàng tăng khả năng tiếp cận và hấp thụ vốn; đẩy mạnh hơn nữa việc đơn giản hóa danh mục hồ sơ vay vốn của khách hàng theo hướng tinh gọn, trên cơ sở triển khai các giải pháp tích hợp, đồng bộ chứng từ trong hệ thống ngân hàng; tiếp tục đẩy mạnh việc chuyên môn hóa chức năng, nhiệm vụ các nhóm công việc, các khâu trong quy trình cho vay, qua đó rút giảm thời gian xử lý hồ sơ khách hàng; áp dụng công nghệ vào quy trình cho vay, tiến tới tự động hóa toàn bộ quy trình vay vốn, giúp tăng tốc độ xử lý hồ sơ, gia tăng trải nghiệm khách hàng;

- Tăng cường chuyên đổi số để nâng cao khả năng tiếp cận sản phẩm, dịch vụ ngân hàng của doanh nghiệp và người dân;

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đánh giá mức độ tín nhiệm khách hàng vay nhằm tăng cường khả năng cho vay không có tài sản bảo đảm;

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến kiến thức, hiểu biết cho khách hàng về các sản phẩm, chương trình của ngân hàng; đăng tải đầy đủ, kịp thời các chương trình, chính sách của ngân hàng triển khai để khách hàng nắm bắt đầy đủ thông tin về chương trình, sản phẩm cho vay của khách hàng, cũng như cách thức tiếp cận vốn;

- Đẩy mạnh triển khai: (i) cho vay HTLS đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị quyết 43 của Quốc hội và Nghị định 31 của Chính phủ

(ii) các chương trình, chính sách tín dụng đặc thù đối với một số ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; cho vay đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản...);

- Tiếp tục triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo quy định tại Thông tư 02/2023/TT-NHNN.

2. Đối với các bộ, ngành, địa phương:

2.1. Giải pháp chung để hỗ trợ thị trường:

- Chính sách thương mại: (i) Có các giải pháp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, tập trung khai thác, vận dụng và phát huy có hiệu quả, thực chất các Hiệp định thương mại tự do, qua đó thúc đẩy xuất khẩu và gia tăng các đơn hàng xuất khẩu từ đó tạo công ăn việc làm và gia tăng nhu cầu tín dụng của nền kinh tế đối với hệ thống ngân hàng; thu hút FDI, FII, góp phần thu hút được các dòng vốn ngoại tệ về nước, từ đó làm tăng lượng tiền trong nền kinh tế. (ii) Có các giải pháp khai thác cầu nội địa để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giảm sự phụ thuộc vào cầu nước ngoài để tăng tính độc lập tự chủ nền kinh tế;

- Nghiên cứu các giải pháp, chính sách hỗ trợ thúc đẩy gia tăng tác động lan tỏa của khu vực FDI, tăng cường mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI để củng cố nền tảng nội địa của nền kinh tế, tạo nguồn thu ngoại tệ bền vững cho nền kinh tế trong trung – dài hạn;

- Có các giải pháp ổn định, khơi thông dòng vốn trên thị trường TPDN; tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn việc chào bán, giao dịch TPDN đảm bảo đúng quy định pháp luật, tạo điều kiện hỗ trợ cho doanh nghiệp phát hành TPDN;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, Quỹ Phát triển DNNVV để tăng khả năng tiếp cận tín dụng đối với DNNVV;

- Tiếp tục triển khai các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hóa quy trình đầu tư và thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho hoạt động của người dân, doanh nghiệp.

2.2. Giải pháp riêng đối với lĩnh vực BĐS:

- Bộ Xây dựng: (i) Phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự án Luật Nhà ở (sửa đổi), dự án Luật KDBĐS (sửa đổi), đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khả thi của hệ thống pháp luật, nhất là với Luật Đất đai (sửa đổi); (ii) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương doanh nghiệp triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”, tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện công bố danh mục các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, xây dựng lại chung cư; (iii) Theo dõi diễn biến, xu thế tình hình và nhu cầu của thị trường (loại hình, phân khúc bất động sản) báo cáo Chính phủ,

Thủ tướng Chính phủ, qua đó đề xuất các chính sách, giải pháp và kết quả tháo gỡ, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường: (i) Tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện dự án Luật Đất đai (sửa đổi); (ii) Tập trung rà soát các tồn tại, hạn chế, vướng mắc để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc liên quan đến thủ tục về đất đai.

- Bộ KH&ĐT: (i) Tăng cường kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc các địa phương, khẩn trương triển khai lập quy hoạch tỉnh; (ii) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức có liên quan nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khai thác và huy động tối đa các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước cho phát triển thị trường bất động sản.

- Bộ Tài chính: Bảo đảm hoạt động huy động vốn của các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trên thị trường chứng khoán lành mạnh, hiệu quả; kiểm soát tránh hiện tượng đầu cơ, thao túng, thổi giá.

- Các địa phương: khẩn trương công bố danh mục các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư, trong đó, các dự án được công bố phải đảm bảo đúng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Công văn số 1551/BXD-QLN cả về nội dung và hình thức công bố.

3. Đối với khách hàng vay vốn và các Hiệp hội doanh nghiệp/VCCI

3.1. Đối với khách hàng vay vốn:

- Tích cực thực hiện các biện pháp tái cấu trúc hoạt động, cắt giảm những mảng hoạt động kinh doanh không hiệu quả, đảm bảo tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp;

- Tiết giảm chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh; mở rộng, tìm kiếm các đối tác đầu ra/nhà phân phối để nâng cao khả năng tiêu thụ hàng hóa, giảm thiểu lượng hàng tồn kho;

- Xây dựng các dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi; tăng cường quản lý thanh khoản, dòng tiền của các phương án kinh doanh; không sử dụng nguồn vốn sai mục đích/tận dụng để bù đắp cho những phương án kinh doanh không hiệu quả;

- Xây dựng định hướng chiến lược rõ ràng, tham gia các hoạt động tư vấn để dự báo được những biến động của thị trường và có phương án xử lý phù hợp;

- Nâng cao năng lực tài chính đa dạng hóa khả năng huy động vốn từ các nguồn vốn khác, giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn tín dụng;

- Riêng đối với nhóm DNNVV, cần nâng cao năng lực quản trị điều hành, xây dựng các phương án, dự án sản xuất kinh doanh khả thi, minh bạch tình hình tài chính... để các TCTD có cơ sở thẩm định, quyết định cho vay cũng như tăng khả năng tiếp cận các nguồn vốn từ các kênh huy động khác (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu...).

3.2. Đối với các Hiệp hội doanh nghiệp/VCCI: Tăng cường trao đổi, truyền thông hướng dẫn đối với các doanh nghiệp thành viên, đồng thời tăng cường phối hợp với NHNN, các bộ, ngành, các TCTD trong việc cung cấp thông tin, chính sách của Nhà nước để hỗ trợ hiệu quả quá trình tiếp cận vốn của doanh nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái. *KUAN*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Các Bộ: TC, TP, CT, XD, KHĐT, GTVT, TTTT, NN&PTNT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VP, TD2. LTTTrang *m*

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đào Minh Tú